

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường ĐaKao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BCG Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 27/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.200.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2020: 1.200.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511)

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020 của Công ty được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Đại diện theo Pháp luật

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên
Ông	Phạm Minh Tuấn	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/03/2020)
Ông	Ng Wee Siong Leonard	Thành viên
Ông	Byung Chul Shin	Thành viên
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 31/03/2020)
Bà	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18/05/2020)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông	Đông Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 05/08/2020)
Ông	Trần Quang Luân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29/09/2020)
Ông	Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Tổng giám đốc phụ trách tài chính
Bà	Đoàn Thị Hiền	Kế Toán Trưởng

Đại diện theo pháp luật

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
-----	----------------	---------------

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2021


Đại diện pháp luật
Tổng Giám đốc

Phạm Minh Tuấn



Số ~~212A~~/BCKT/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy được lập ngày 15/01/2021 từ trang 08 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần BCG Energy** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Lập, ngày 24 tháng 03 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thành

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0064-2018-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Vũ

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0699-2018-142-1

117
NG
KIỂM
T
K
M
AN
PH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.510.185.619	116.894.967.569
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.659.164.421	10.664.957.216
1. Tiền	111		1.859.164.421	664.957.216
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.800.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04.b	600.000.000	13.500.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		600.000.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.274.749.465	92.517.424.487
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	17.199.505.670	19.562.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		509.873.000	238.990.200
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05.a	130.565.370.795	72.716.434.287
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		976.271.733	212.585.866
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		976.271.733	212.585.866
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.842.386.527.213	796.738.407.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		417.206.400.001	295.930.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.05.b	417.206.400.001	295.930.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.749.775.972	2.030.655.161
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.749.775.972	2.030.655.161
- Nguyên giá	222		4.120.137.274	2.087.567.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(370.361.302)	(56.912.112)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04.c	4.418.680.286.996	498.665.900.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		4.076.355.386.996	218.546.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		341.734.900.000	279.529.900.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.000.000	590.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.750.064.244	111.851.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.03	2.750.064.244	111.851.971
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.998.896.712.832	913.633.374.701

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.803.914.573.979	118.958.802.438
I. Nợ ngắn hạn	310		1.206.980.673.979	3.208.802.438
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	1.095.049.240.731	6.446.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	227.264.701	76.735.407
4. Phải trả người lao động	314		-	331.915.455
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	10.685.198.631	2.619.438.356
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10.a	101.018.969.916	174.266.720
II. Nợ dài hạn	330		2.596.933.900.000	115.750.000.000
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.10.b	2.261.183.900.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	220.000.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.12	115.750.000.000	115.750.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.194.982.138.853	794.674.572.263
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	1.194.982.138.853	794.674.572.263
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.200.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	800.000.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(5.017.861.147)	(5.325.427.737)
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(5.325.427.737)	(19.386.026)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		307.566.590	(5.306.041.711)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.998.896.712.832	913.633.374.701

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh

Đoàn Thị Hiền

Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	15.685.914.245	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		15.685.914.245	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	14.555.914.245	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.130.000.000	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	60.792.550.103	607.898.453
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	50.007.401.816	2.631.438.356
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		34.000.000	2.631.438.356
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	8.782.581.697	3.277.501.807
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.132.566.590	(5.301.041.710)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		2.825.000.000	5.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(2.825.000.000)	(5.000.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		307.566.590	(5.306.041.711)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		307.566.590	(5.306.041.711)

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Hiền

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		307.566.590	(5.306.041.711)
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	-
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		313.449.190	56.912.112
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.681.634.487)	(607.898.453)
- Chi phí lãi vay	06		34.000.000	2.631.438.356
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(60.026.618.707)	(3.225.589.696)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(163.095.241.409)	(182.043.372.164)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.371.627.793.636	(51.091.185.562)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(2.638.212.273)	(111.851.971)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(34.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.145.833.721.247	(236.471.999.393)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.032.570.001)	(2.087.567.273)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(13.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.837.032.409.091)	(123.380.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.346.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		45.979.465.050	607.898.453
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.769.839.514.042)	(138.359.668.820)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		400.000.000.000	269.740.100.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		220.000.000.000	125.750.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		620.000.000.000	385.490.100.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(4.005.792.795)	10.658.431.787
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		10.664.957.216	6.525.429
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	6.659.164.421	10.664.957.216

Người lập biểu

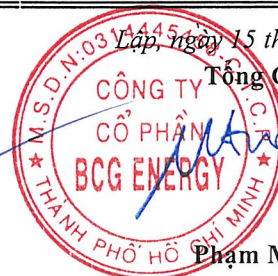
Nguyễn Thị Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Đoàn Thị Hiền

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2021

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 27/03/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 1.200.000.000.000 VND

Vốn góp của công ty tại ngày 31/12/2020: 1.200.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511)

3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không có.

6. Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 10 (mười) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 10 (mười) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 04 (bốn) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 04 (bốn) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Danh sách cụ thể như sau:

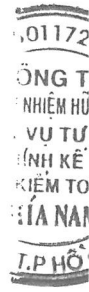


a. Danh sách các Công ty con trực tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL934, ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.	90%	90%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	90%	90%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	99%	99%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Quốc lộ 1A, Thôn Bình Long, Xã Mỹ Hiệp, Huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.	85,9%	85,9%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	99%	99%
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Số 57/11, Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	93,6%	93,6%
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Số 57/11, Lê Hồng Phong, Khóm 7, Phường 8, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	93,6%	93,6%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 Trần Khánh Dư, tổ 1, phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai	51%	51%
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	Số 174 đường Võ Văn Kiệt, Phường 9, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam	100%	100%

b. Danh sách các Công ty con gián tiếp

<i>Tên Công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Greensky Infnitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	74,9%	74,15%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, KP 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	69%	68,31%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14 - 08A Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	69%	68,31%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	79%	78,21%
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Số 344/38 DX80, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 3, phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	68,31%



Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Số 344/38 DX80, đường Phan Đăng Luru, khu phố 3, phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Ever1	1/10 Ngô Văn Trị, KP 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Ever2	1/10 Ngô Văn Trị, KP 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Ever3	1/10 Ngô Văn Trị, KP 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH BCG Ever4	1/10 Ngô Văn Trị, KP 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%

c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	50%	50%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, ấp 4, KDC Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, tỉnh Long An.	32,48%	32,48%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	50%	50%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	49%	49%

d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.	50%	50%
Công ty TNHH BCG EVER5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	30%	30%
Công ty TNHH BCG EVER6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	30%	30%
Công ty TNHH BCG EVER7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	30%	30%

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Đối với máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất được trích khấu hao theo sản lượng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Phương tiện vận tải	08 - 10
- Máy móc thiết bị	03

6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

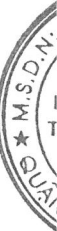
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

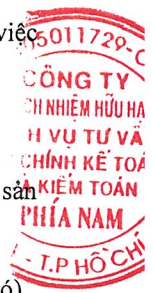
Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

18. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	619.473.600	622.445.600
- Tiền gửi ngân hàng	1.239.690.821	42.511.616
- Các khoản tương đương tiền (*)	4.800.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>6.659.164.421</u>	<u>10.664.957.216</u>

(*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng TMCP, với lãi suất từ 3,5% đến 3,8%/ năm.

2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	<u>17.199.505.670</u>	<u>19.562.000.000</u>
- Nguyễn Tùng Phương Trúc	-	19.562.000.000
- Công ty CP Skylar (*)	5.062.327.294	-
- Công Ty CP Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch (*)	7.722.594.987	-
- Công ty CP BCG Evergreen (*)	389.628.821	-
- Công ty TNHH Greensky Infinitive (*)	104.539.508	-
- Công ty CP Bleu Soleil (*)	430.829.167	-
- Công ty CP Aurai Wind Energy (*)	1.363.428.833	-
- Công ty TNHH MTV Điện mặt trời VNECO - Vĩnh Long (*)	2.126.157.060	-
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>17.199.505.670</u>	-

(*) Đây là khoản phải thu các bên liên quan

3. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	-
b. Chi phí trả trước dài hạn	<u>2.750.064.244</u>	<u>111.851.971</u>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	403.397.576	97.571.969
- Chi phí khác chờ phân bổ	2.346.666.668	14.280.002

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
<i>a. Chứng khoán kinh doanh</i>							
<i>b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>							
<i>b.1 Ngắn hạn:</i>	600.000.000	600.000.000	-	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	600.000.000	600.000.000	-	13.500.000.000	-	13.500.000.000	-
<i>b.2 Dài hạn:</i>							
<i>c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	4.418.680.286.996	4.418.680.286.996	-	498.665.900.000	-	498.665.900.000	-
<i>c.1. Đầu tư vào công ty con</i>	4.076.355.386.996	4.076.355.386.996	-	218.546.000.000	-	218.546.000.000	-
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	(1) 540.000.000.000	540.000.000.000	-	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	(2) 108.000.000.000	108.000.000.000	-	117.600.000.000	-	117.600.000.000	-
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	(3) 10.200.000.000	10.200.000.000	-	10.946.000.000	-	10.946.000.000	-
Công ty CP Skylar	(4) 495.000.000.000	495.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh	(5) 1.095.471.170.213	1.095.471.170.213	-	-	-	-	-
Công ty CP Aurai Wind Energy	(6) 742.500.000.000	742.500.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	(7) 232.633.076.923	232.633.076.923	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	(8) 371.060.230.769	371.060.230.769	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	(9) 122.400.000.000	122.400.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	(10) 359.090.909.091	359.090.909.091	-	-	-	-	-
<i>c.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	341.734.900.000	341.734.900.000	-	279.529.900.000	-	279.529.900.000	-
Công ty TNHH Skylight Power	24.529.900.000	24.529.900.000	-	24.529.900.000	-	24.529.900.000	-
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Bàng Dương	255.000.000.000	255.000.000.000	-	255.000.000.000	-	255.000.000.000	-
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	2.205.000.000	2.205.000.000	-	-	-	-	-
<i>c.3. Đầu tư vào các đơn vị khác</i>	590.000.000	590.000.000	-	590.000.000	-	590.000.000	-
Công ty CP Tracodi Power	590.000.000	590.000.000	-	590.000.000	-	590.000.000	-
Cộng	4.419.280.286.996	4.419.280.286.996	-	512.165.900.000	-	512.165.900.000	-



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Ghi chú:

- (1) Tại ngày 25/09/2020, Công ty đã góp thêm vốn vào Công ty CP Wind Sóc Trăng với giá trị là 450 tỷ đồng.
- (2) Vào ngày 18/03/2020, Công ty CP BCG Energy đã chuyển nhượng 960.000 cổ phần, tương ứng 8% vốn điều lệ tại Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa cho Công ty CP BCG Land Gateway (tên cũ: Công ty CP Việt Golden Farm).
- (3) Đây là các Công ty con được thành lập mới trong năm 2020.
- (4) Trong năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch từ các cá nhân và góp tăng vốn theo Giấy phép đăng ký kinh doanh.
- (5) Vào tháng 10 năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1 Từ Công ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng và Công ty TNHH Thái Hòa.
- (6) Vào tháng 11 năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2 từ Công ty CP Đầu Tư Khai Thác Cảng và Công ty TNHH Thái Hòa.
- (7) Vào tháng 11 năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên từ Công ty TNHH Xây dựng Thuận Nguyên.
- (8) Vào tháng 11 năm 2020, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Yneco - Vĩnh Long từ Bà Trần Thị Kiều Tiên.



5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khác	130.565.370.795	-	72.716.434.287	-
- Tạm ứng	728.334.619	-	21.282.607.000	-
- Phải thu khác	129.837.036.176	-	51.433.827.287	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	50.400.000.000	-
+ Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	1.885.500.000	-	-	-
+ Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	25.270.878.890	-	500.000.000	-
+ Công ty CP Năng lượng BCG - Băng Dương	5.920.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Skylar	1.351.836.849	-	-	-
+ Công ty TNHH Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	(1) 77.351.449.438	-	-	-
+ Công ty TNHH BCG Ever1	2.980.000.000	-	-	-
+ Công Ty CP Bleu Soleil	1.845.905.819	-	-	-
+ Các đối tượng khác	13.231.465.180	-	533.827.287	-
b. Phải thu dài hạn khác	417.206.400.001	-	295.930.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	5.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	417.201.400.001	-	295.930.000.000	-
+ Nguyễn Thị Quỳnh	-	-	59.900.000.000	-
+ Đỗ Phương Mai	-	-	88.800.000.000	-
+ Công ty CP Green Solution	(2) 200.000.000.000	-	147.000.000.000	-
+ Công ty CP Bleu Soleil	(3) 37.517.588.995	-	-	-
+ Công ty TNHH Dịch Vụ Skylar1	(3) 23.679.512.758	-	-	-
+ Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	(3) 25.978.158.144	-	-	-
+ Công ty TNHH Thương Mại Skylar3	(3) 25.978.158.144	-	-	-
+ Phải thu khác	(3) 104.047.981.960	-	230.000.000	-
Cộng	547.771.770.796	-	368.646.434.287	-

Ghi chú:

(1) Là khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh số 29082020/2020/HTKD/BCGE-VNECO ngày 29/08/2020 và số 17122020/2020/HTKD/BCGE-VNECO ngày 17/12/2020 có thời hạn 1 năm giữa Công ty CP BCG Energy và Công ty TNHH Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long.

(2) Là khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2019/HTKD/BCGENERGY-GREEN ngày 22/12/2019 có thời hạn 3 năm giữa Công ty CP BCG Energy và Công ty CP Green Solution.

(3) Là các khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các tổ chức kinh tế. Mục tiêu và nội dung hợp tác: Đầu tư, xây dựng, khai thác và vận hành các dự án năng lượng mặt trời áp mái.

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
1. Số dư đầu năm	-	-	2.087.567.273	-	-	2.087.567.273
2. Số tăng trong năm	-	43.700.001	1.988.870.000	-	-	2.032.570.001
- Mua trong năm	-	43.700.001	1.988.870.000	-	-	2.032.570.001
3. Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	43.700.001	4.076.437.273	-	-	4.120.137.274
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	-	-	56.912.112	-	-	56.912.112
2. Khấu hao trong năm	-	12.138.890	301.310.300	-	-	313.449.190
- Khấu hao tăng trong năm	-	12.138.890	301.310.300	-	-	313.449.190
3. Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm	-	12.138.890	358.222.412	-	-	370.361.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	2.030.655.161	-	-	2.030.655.161
2. Tại ngày cuối năm	-	31.561.111	3.718.214.861	-	-	3.749.775.972

7. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn:	1.095.049.240.731	1.095.049.240.731	6.446.500	6.446.500
- Công ty CP Bamboo Capital	91.300.000	91.300.000	-	-
- Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Helios	1.607.412.826	1.607.412.826	-	-
- Công Ty TNHH Thái Hòa	330.068.307.692	330.068.307.692	-	-
- Công Ty TNHH Xây Dựng Thuận Nguyên	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Nguyễn Văn Lục	633.259.670.213	633.259.670.213	-	-
- Hồ Quang Chiến	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-
- Nguyễn Quang Minh	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Các đối tượng khác	5.022.550.000	5.022.550.000	6.446.500	6.446.500
b. Dài hạn:				
Cộng	1.095.049.240.731	1.095.049.240.731	6.446.500	6.446.500
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d. Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP Bamboo Capital	91.300.000	91.300.000	-	-

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
a. Phải nộp	76.735.407	1.088.822.152	938.292.858	227.264.701
Thuế thu nhập cá nhân	76.735.407	677.307.585	526.778.291	227.264.701
Thuế khác	-	411.514.567	411.514.567	-
b. Phải thu	-	-	-	-
Cộng	76.735.407	1.088.822.152	938.292.858	227.264.701

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	10.685.198.631	2.619.438.356
- Lãi vay, trái phiếu	10.685.198.631	2.619.438.356
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	10.685.198.631	2.619.438.356

10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Ngắn hạn	101.018.969.916	174.266.720
- KPCD, BHXH, BHYT, BHTN	-	32.766.720
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	101.018.969.916	141.500.000
+ Nguyễn Thị Quỳnh	8.890.000.000	-
+ Trương Hoàng Vĩnh	9.528.248.455	-
+ Nguyễn Hồ Nam	30.140.000.000	140.000.000
+ Công ty CP BCG Megasolar	17.000.000.000	-
+ Công ty CP Phát Triển Tầm Nhìn Năng Lượng Sạch	1.750.000.000	-
+ Công ty CP BCG Land Gateway	(1) 33.284.054.794	-
+ Phải trả ngắn hạn khác	426.666.667	1.500.000
b. Dài hạn	2.261.183.900.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.261.183.900.000	-
+ Công ty CP Năng Lượng Mặt Trời Tân Thạnh 1	(2) 361.390.000.000	-
+ Công ty TNHH Sản Xuất - XNK - TM Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàn Vũ	(3) 171.500.000.000	-
+ Công ty CP BCG Land Gateway	(1) 292.000.000.000	-
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	80.000.000.000	-
+ Phạm Đăng Khoa	(4) 150.000.000.000	-
+ Vũ Ngọc Tiến	(4) 242.500.000.000	-
+ Trần Thị Kiều Tiên	(4) 110.070.000.000	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	(4) 355.498.900.000	-
+ Nguyễn Duy Kym	(4) 253.000.000.000	-
+ Nguyễn Thái Thanh Huy	(4) 211.700.000.000	-
+ Thượng Minh Quân	(4) 33.525.000.000	-
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán		

Ghi chú:

(1) Là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2603/HĐ-HTKD ngày 26/03/2020 có thời hạn hợp tác là 03 năm giữa Công ty CP BCG Energy và Công ty CP BCG Land Gateway. Số tiền hợp tác đầu tư tại ngày 31/12/2020 là 292 tỷ đồng. Lãi suất: 11,6%/năm.

(2) Là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 23112020/2020/HTKD-TANTHANH-BCGE ngày 23/11/2020 Công ty CP BCG Energy và Công Ty CP Năng Lượng Mặt Trời Tân Thạnh 1. Số tiền thỏa thuận hợp tác đầu tư là 600 tỷ đồng. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.

(3) Là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 15/2020/BCGE-HV ngày 01/12/2020 giữa Công ty CP BCG Energy và Công Ty TNHH Sản Xuất - XNK - TM Dịch Vụ Tổng Hợp Hoàn Vũ. Mục đích: hợp tác đầu tư xây dựng và phát triển Dự án Điện mặt trời Vneco - Vĩnh Long.

(4) Là khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với các tổ chức, cá nhân cùng thực hiện "dự án kinh doanh". Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.



11. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
Trái phiếu thường						
Trái phiếu phát hành						
- Loại phát hành theo mệnh giá (*)	50.000.000.000	11%	3 năm	-	-	-
- Loại phát hành theo mệnh giá (*)	70.000.000.000	11%	5 năm	-	-	-
- Loại phát hành theo mệnh giá (*)	100.000.000.000	11%	7 năm	-	-	-
Tổng trái phiếu thường	220.000.000.000			-		

Ghi chú: (*) Theo Hợp đồng đặt mua số BCGE/2020/HĐĐM_SHS ngày 31/08/2020 giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội và Công ty Cổ phần BCG Energy liên quan đến trái phiếu BCGE có tổng mệnh giá 220 tỷ đồng. Phát hành từ ngày 31/08/2020. Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu.

12. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

- Công ty Cổ Phần BCG Energy phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd. theo Hợp đồng ngày 13/08/2019. Mã Trái phiếu: BONDBE/2019.01
- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.
- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty CP BCG Energy, với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.
- Cổ phiếu chuyển đổi sẽ được niêm yết bổ sung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

L14-08B, Tòa nhà VinCom, 72 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
a. Số dư tại ngày 01/01/2019	530.259.900.000	-	-	(19.386.026)	530.240.513.974
- Tăng vốn trong năm trước	269.740.100.000	-	-	-	269.740.100.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	(5.306.041.711)	(5.306.041.711)
- Số dư tại ngày 31/12/2019	800.000.000.000	-	-	(5.325.427.737)	794.674.572.263
b. Số dư tại ngày 01/01/2020	800.000.000.000	-	-	(5.325.427.737)	794.674.572.263
- Tăng vốn trong năm	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
- Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	307.566.590	307.566.590
c. Số dư tại ngày 31/12/2020	1.200.000.000.000	-	-	(5.017.861.147)	1.194.982.138.853

Đơn vị tính: VND

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty CP Bamboo Capital	1.188.000.000.000	792.000.000.000
- Lê Thị Mai Loan	6.000.000.000	4.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	6.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	1.200.000.000.000	800.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	800.000.000.000	530.259.900.000
+ Vốn góp tăng trong năm	400.000.000.000	269.740.100.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.200.000.000.000	800.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	80.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	120.000.000	80.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	120.000.000	80.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	80.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	120.000.000	80.000.000

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu*

e. Cổ tức

- -

f. Các quỹ của doanh nghiệp

- -

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Đơn vị tính: VND

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu	15.685.914.245	-
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.685.914.245	-
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	15.635.914.245	-
- Công ty CP Skylar	4.602.115.722	-
- Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	7.020.540.897	-
- Công ty CP Bleu Soleil	391.662.879	-
- Công ty CP Greensky Infinitive	95.035.916	-
- Công ty CP BCG Evergreen	354.208.019	-
- Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	1.932.870.055	-
- Công ty CP Aurai Wind Energy	1.239.480.757	-

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn dịch vụ	14.555.914.245	-
Cộng	14.555.914.245	-

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.049.410.254	607.898.453
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	53.872.224.233	-
- Lãi đầu tư cổ phần, cổ phiếu	5.760.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	110.915.616	-
Cộng	60.792.550.103	607.898.453

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	34.000.000	2.631.438.356
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.221.450	-
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	33.710.721.461	-
- Chi phí lãi trái phiếu	16.190.458.905	-
Cộng	50.007.401.816	2.631.438.356



5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<i>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	-	-
<i>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>	8.782.581.697	3.277.501.807
- Chi phí nhân viên quản lý	4.395.880.854	2.006.164.411
- Chi phí vật liệu quản lý	12.800.000	1.280.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	161.758.348	24.564.396
- Chi phí khấu hao	-	56.912.112
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.981.857.532	1.133.304.524
- Chi phí bằng tiền khác	227.284.963	52.276.364

6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân công	9.354.420.468	2.006.164.411
- Chi phí khấu hao TSCĐ	313.449.190	56.912.112
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.265.782.973	1.133.304.524
- Chi phí bằng tiền khác	404.843.311	81.120.760
Cộng	23.338.495.942	3.277.501.807

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	307.566.590	(5.306.041.711)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	307.566.590	(5.306.041.711)
+ Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(307.566.590)	-
- Tổng thu nhập tính thuế	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban điều hành, quản lý
Công ty CP Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty CP Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Công ty con
Công ty CP Aurai Wind Energy	Công ty con
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công Ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công Ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	Công ty con
Công ty CP Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty CP BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty CP Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty CP Năng lượng Dương Phong	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER5	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER6	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty TNHH BCG EVER7	Công ty liên doanh, liên kết gián tiếp
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng Công ty mẹ

Ghi chú: ngoài thông tin các bên liên quan đã được nêu tại mục V.2, V.7 và VI.1 của Thuyết minh báo cáo tài chính này, thông tin các bên liên quan bao gồm như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Đơn vị	Giao dịch	Số tiền
Phạm Minh Tuấn	Mượn tiền	600.000.000
	Tạm ứng	1.200.000.000
Nguyễn Hồ Nam	Mượn tiền	30.000.000.000
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	Cho mượn	1.885.500.000
Công ty CP Năng lượng BCG Thanh Hóa	Cho mượn	250.000.000
Công ty CP Nông thôn Việt Energy	Cho mượn	3.643.794.778
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Cho mượn	60.000.000
	Chuyển tiền hợp tác	80.000.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	Cho mượn	30.924.836.849
	Cho mượn	43.500.000.000
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	Lãi hợp tác	6.346.849.315
	Mượn tiền	11.485.000.000
	Chuyển tiền hợp tác	300.000.000.000
Công ty CP Bamboo Capital	Mượn tiền	271.500.000.000
	Phí tư vấn	7.058.000.000
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Tạm ứng mua Cổ phần	58.000.000.000
	Chuyển tiền hợp tác	20.197.103.860
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	Lãi hợp tác	3.835.449.438
	Chuyển tiền hợp tác	293.816.000.000
Công ty CP Apollo Development	Cho mượn	5.000.000
Công ty CP BCG Evergreen	Cho mượn	10.518.150.000
	Hợp tác kinh doanh	11.266.181.072
Công ty CP Greensky Infinitive	Cho mượn	1.449.347.000
	Lãi hợp tác	162.973.797
Công ty CP Aurai Wind Energy	Cho mượn	1.345.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	Cho mượn	2.980.000.000
Công ty TNHH BCG Ever2	Cho mượn	55.000.000
Công ty TNHH BCG Ever3	Cho mượn	97.000.000
Công ty TNHH BCG Ever4	Cho mượn	97.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Cho mượn	25.000.000
	Hợp tác kinh doanh	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG EVER5	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	406.344.409
	Hợp tác kinh doanh	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG EVER6	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	506.344.409
Công ty TNHH BCG EVER7	Hợp tác kinh doanh	8.710.981.833
	Cho mượn	10.000.000
	Lãi hợp tác	401.026.394
Công ty CP Bleu Soleil	Hợp tác kinh doanh	37.517.588.995
	Cho mượn	17.000.000
	Lãi hợp tác	1.845.905.819



c. Số dư với các bên có liên quan

Tên Công ty	Mã trên CĐKT	Số tiền
Nguyễn Hồ Nam	319	30.140.000.000
Công ty CP BCG Wind Sóc Trăng	136	1.885.500.000
Công ty CP Năng lượng BCG Thạnh Hóa	136	540.000.000
Công ty Cổ phần Skylar	136	1.351.836.849
Công ty CP Apollo Development	136	5.000.000
Công ty CP BCG Evergreen	136	218.000.000
Công ty CP Greensky Infinitive	136	1.612.320.797
Công ty CP Aurai Wind Energy	136	1.345.000.000
Công ty TNHH BCG Ever1	136	2.980.000.000
Công ty TNHH BCG Ever2	136	55.000.000
Công ty TNHH BCG Ever3	136	47.000.000
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	136	25.000.000
Công ty CP Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch	319	1.750.000.000
Công ty TNHH MTV Điện Mặt Trời Vneco - Vĩnh Long	136	77.351.449.438
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	337	80.000.000.000
	136	60.000.000
Công ty TNHH BCG EVER5	136	416.344.409
	216	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG EVER6	136	516.344.409
	216	14.438.727.292
Công ty TNHH BCG EVER7	136	411.026.394
	216	8.710.981.833
Công ty CP Bleu Soleil	136	1.862.905.819
	216	37.517.588.995

2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 2 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

3. THÔNG TIN VỀ SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

4. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 29/9/2020 Đại hội cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần BCG Energy đã ra Nghị quyết số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE về việc thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 1.200.000.000.000 đồng lên thành 1.620.000.000.000 đồng. Tuy nhiên đến ngày phát hành báo cáo này, các bên liên quan vẫn đang tiến hành các thủ tục pháp lý liên quan để triển khai Nghị quyết.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Quỳnh

Kế Toán Trưởng



Đoàn Thị Hiền

Tổng Giám đốc

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2021


Phạm Minh Tuấn